

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 202/2018/DS-PT

Ngày: 29 – 10 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tòng

Bà Nguyễn Thị An Tiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Võ Thanh Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*** Ông **Trương Thái Hồng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLPT – DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2018/DSST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 159/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn K**, sinh năm 1978;

Cư trú tại: Tổ 3, Khu phố 1, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh K: Anh **Đặng Minh Đ**, sinh năm 1977; cư trú tại: đường L, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2017).

2. Bị đơn: Anh **Lý Quốc T**, sinh năm 1977;

Cư trú tại: đường T, Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975;

Cư trú tại: Tổ 4, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Hoàng Văn K

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn K trình bày:

Do có người giới thiệu chị Nguyễn Thị B, anh Lý Quốc T là vợ chồng có nhu cầu mượn tiền mua bán mì nên anh K có gặp chị B, anh T để thỏa thuận việc mượn tiền.

Ngày 26/9/2013 anh T hỏi mượn tiền Việt Nam của anh K, do không có đủ tiền nên anh nhờ chị N đưa tiền Campuchia và tiền Việt Nam đến nhà anh, sau đó anh K giao số tiền 87.000.000 Riel (ký hiệu KHR – tiền Campuchia) cho anh T trực tiếp nhận. Anh T có ghi nội dung “Ngày 26-9 tôi Lý Quốc T có nhận 87.000.000 Ria của anh K” trong giấy mượn tiền đề ngày 26/9. Do anh T ghi không rõ nên anh kêu anh T ghi lại “87.000.000 Ria” cho rõ.

Cùng ngày 26/9/2013 anh T và chị B có mượn của anh K số tiền là 2.300.330.000 đồng để kinh doanh mua bán mì. Lúc mượn tiền anh T và chị B có mặt nhưng anh T là người trực tiếp nhận số tiền này. Khi chốt nợ chỉ có chị B ký nhận nợ, anh không yêu cầu anh T ký nhận vì nghĩ chị B và anh T là vợ chồng của nhau.

Sau này anh T, chị B không trả nợ nên đến cuối năm 2017 anh K mới khởi kiện ra tòa, yêu cầu anh T và chị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh K số tiền 2.300.330.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/9/2013 đến ngày xét xử. Yêu cầu anh T trả cho anh K 87.000.000 Riel (tiền Campuchia) tương đương với số tiền là 487.200.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/9/2013 đến ngày xét xử.

Ngày 04/5/2018 người đại diện hợp pháp của anh K làm đơn đề nghị Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ ký, chữ viết, chữ số ở nội dung “Ngày 26 tháng 9 năm 2013 tôi Lý Quốc T nhận ... Lý Quốc T” và phần chữ chỉnh sửa, tô đề tại vị trí số “87.000.000 Ria”.

Theo bản tự khai ngày 10/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh T chung sống như vợ chồng tại ấp B, huyện T, tỉnh Tây Ninh từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Chị có đăng ký kinh doanh thu mua mì lát tại nhà và cửa khẩu Chàng Riệc. Anh T cùng làm ăn chung với chị. Năm 2012, chị có ủy quyền cho anh T rút tiền, đổi tiền trong các giao dịch làm ăn.

Do cần vay tiền để kinh doanh nên anh chị nhờ người giới thiệu gặp anh K để vay tiền. Khi cần vay tiền hoặc đổi tiền Campuchia chị điện thoại cho anh K hỏi số tiền vay và giao cho anh T nhận tiền, ký nhận với anh K. Khi vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền; lúc có tiền thì chị trả, lúc không có tiền thì nợ lại anh K.

Năm 2015, anh K kêu chị đến nhà để gút nợ, lúc này không có mặt anh T, chị xác nhận còn nợ anh K nhiều lần vay tiền tổng cộng là 2.300.330.000 đồng. Chị có viết nội dung, ký nhận trong giấy mượn tiền đề ngày 26/9/2013. Do tiêu xài chung

nên chị đồng ý cùng anh T liên đới trả nợ số tiền 2.300.330.000 đồng và lãi suất cho đến ngày Tòa án xét xử.

Riêng số tiền 87.000.000 Riel (ký hiệu KHR – tiền Campuchia) tương đương với số tiền 487.200.000 đồng (tiền Việt Nam) là do anh T mượn riêng, ký nhận nợ thì anh T có nghĩa vụ trả cho anh K, chị không liên đới trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lý Quốc T trình bày:

Khoảng 4-5 năm trước anh có kinh doanh xe tải, chị B thu mua mì lát từ Campuchia đến cửa khẩu Chàng Riệc. Chị B có thuê anh chở mì lát và có nhờ anh đem tiền Việt Nam đến gặp anh K đổi tiền Campuchia giùm chị B. Mỗi lần chị B giao cho anh khoảng 100.000.000 đồng đến giao cho anh K để nhận lại tiền Campuchia.

Ngày 26/9/2013 anh K có kêu anh đến gặp một người chị của anh K nhà ở gần Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện T, tỉnh Tây Ninh để đổi tiền. Khi nhận tiền anh có ghi giấy nội dung “Ngày 26.9 tôi Lý Quốc T có nhận 8.700.000 Ria”, sau đó có đem giấy và tiền về giao cho chị B. Ngoài ra anh không nhận số tiền nào khác của anh K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, khi xem lại giấy anh thấy có chỉnh sửa “8.700.000 Ria” thành “87.000.000 Ria” nên anh không đồng ý và đề nghị Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh giám định phần bị chỉnh sửa, tô đồ. Anh chỉ là người nhận tiền giùm chị B nên không đồng ý trả số tiền 87.000.000 Riel và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của anh K. Riêng số tiền 2.300.330.000 đồng do chị B ký nhận nợ với anh K anh không biết, không ký nhận nợ nên không đồng ý liên đới trả nợ cho anh K.

Tại biên bản đối chất ngày 30/8/2017, người làm chứng bà Nguyễn Thị Nghiêm trình bày:

Ngày 26/9/2013, anh K có hỏi mượn bà khoảng 2.300.000.000 đồng tiền Việt Nam và 87.000.0000 tiền Riel, bà có đem tiền đến nhà giao cho anh K và lúc đó anh K có giao lại cho chị B, anh T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS - ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 128, 137, điểm a Khoản 1 Điều 162; 305, 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn K đối với anh Lý Quốc T, chị Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Văn K tổng số tiền 3.288.322.000 (Ba tỷ hai trăm tám mươi tám triệu ba trăm hai mươi hai nghìn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.300.330.000 đồng và tiền lãi 987.992.000 đồng. Anh Lý Quốc T không phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền này.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn K buộc anh Lý Quốc T phải trả số tiền 87.000.000 Riel (ký hiệu KHR – tiền Campuchia).

Tuyên bố giao dịch anh Lý Quốc T vay số tiền 8.700.000 Riel của anh Hoàng Văn K là vô hiệu. Buộc anh Lý Quốc T phải hoàn trả cho anh Hoàng Văn K số tiền 8.700.000 Riel được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử ngày 04/7/2018 là 49.068.000 (Bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2018, nguyên đơn anh Hoàng Văn K có đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên buộc anh Lý Quốc T có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền 87.000.000 Riel tương đương 487.200.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng)

- Tuyên buộc anh Lý Quốc T và chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh K số tiền 2.300.330.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)

Tại phiên toàn phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn K là anh Đặng Minh Đ đề nghị hoãn phiên tòa để mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hoàng Văn K là anh Đặng Minh Đ yêu cầu hoãn phiên tòa để mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Xét yêu cầu hoãn phiên tòa của anh Đ không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, do

đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của anh Đ, tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu hoãn phiên tòa tại phiên tòa phúc thẩm của anh Đặng Minh Đ để mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Minh Đ thì thấy rằng: Căn cứ vào khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quy định: “Hội đồng xét xử không được hoãn phiên tòa vì lý do tại phiên tòa đương sự yêu cầu hoãn phiên tòa để nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc để ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng thay mình”. Mặt khác, yêu cầu hoãn phiên tòa của anh Đ không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của anh Đặng Minh Đ, chấp nhận đề nghị tiếp tục xét xử vụ án của đại diện Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Hoàng Văn K yêu cầu buộc anh Lý Quốc T có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 87.000.000 Riel tương đương 487.200.000 đồng tiền Việt Nam thì thấy rằng:

Tại giấy mượn tiền ghi ngày 26/9 (bút lục 41) thể hiện nội dung “Ngày 26.9 tôi Lý Quốc T có nhận 87.000.000 Ria của anh K”. Anh K và anh T đều xác nhận ngày 26/9/2013 anh T có nhận tiền của anh K. Tuy nhiên, anh K cho rằng cho anh T vay số tiền 87.000.000 Riel, nhưng anh T cho rằng anh đổi tiền Campuchia của anh K và chỉ nhận 8.700.000 Riel của anh K, không nhận 87.000.000 Riel như anh K trình bày.

Tại Kết luận giám định số 33/KL-KTHS ngày 08/02/2018 xác định chữ số “0” hàng đơn vị phần nội dung “87.000.000” là chữ số điền thêm. Tại Kết luận giám định số 2124/C54B ngày 21/5/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luận phần nội dung “7.000.000” thuộc dãy số “87.000.000” bị chỉnh sửa, tô đồ so với chữ viết “Ngày 26.9 tôi Lý Quốc T có nhận 8.” không xác định được có phải là do cùng một người viết ra hay không.

Từ những căn cứ trên có căn cứ xác định anh T có nhận của anh K số tiền 8.700.000 Riel. Anh T cho rằng anh đổi tiền Campuchia với anh K nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đổi tiền, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh T có vay của anh K số tiền 8.700.000 Riel là có cơ sở.

Tuy nhiên, giao dịch vay tiền giữa anh T và anh K bằng tiền Campuchia đã vi phạm quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 nên giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự 2005. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố giao dịch anh Lý Quốc T vay số tiền 8.700.000 Riel của anh Hoàng Văn K là vô hiệu và buộc anh Lý Quốc T phải hoàn trả lại cho anh Hoàng Văn K số tiền 8.700.000 Riel được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử ngày 04/7/2018 là 49.068.000 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K yêu cầu buộc anh T trả số tiền 87.000.000 Riel tương đương 487.200.000 đồng tiền Việt Nam.

[3] Xét kháng cáo của anh K yêu cầu buộc anh Lý Quốc T và chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh K số tiền 2.300.330.000 đồng thì thấy rằng:

Tại giấy mượn tiền ngày 26/9/2013 chị B viết và ký nhận số tiền nợ 2.300.336.000 đồng với anh K, hai bên thống nhất số tiền nợ là 2.300.330.000 đồng. Anh T trình bày anh không biết và không ký nhận số tiền này nên không đồng ý trả nợ cho anh K.

Chị B trình bày chị và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2008, chị và anh T cùng vay tiền để kinh doanh mua bán mì. Tuy nhiên, chị và anh T không có đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Anh T cũng trình bày không hề có mối quan hệ chung sống như vợ chồng với chị B như chị B trình bày. Anh T không đồng ý liên đới với chị B trả số tiền nợ 2.300.330.000 đồng cho anh K vì anh T không có sử dụng số tiền này.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh K yêu cầu buộc anh Lý Quốc T có nghĩa vụ liên đới với chị B trả cho anh K số tiền 2.300.330.000 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn K, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm

[5] Về án phí: Do kháng cáo của anh K không được chấp nhận nên anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 128, 137, điểm a Khoản 1 Điều 162; 305, 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn K.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn K đối với anh Lý Quốc T, chị Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Văn K tổng số tiền 3.288.322.000 (Ba tỷ hai trăm tám mươi tám triệu ba trăm hai mươi hai nghìn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.300.330.000 đồng và tiền lãi 987.992.000 đồng. Anh Lý Quốc T không phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền này.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn K buộc anh Lý Quốc T phải trả số tiền 87.000.000 Riel (ký hiệu KHR – tiền Campuchia).

Tuyên bố giao dịch anh Lý Quốc T vay số tiền 8.700.000 Riel của anh Hoàng Văn K là vô hiệu. Buộc anh Lý Quốc T phải hoàn trả cho anh Hoàng Văn K số tiền 8.700.000 Riel được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử ngày 04/7/2018 là 49.068.000 (Bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Anh K phải chịu chi phí giám định là 3.240.000 đồng. Do anh Lý Quốc T đã nộp 2.040.000 đồng; người đại diện hợp pháp của anh K đã nộp 1.200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định nên anh K có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.040.000 đồng cho anh T.

2. Về án phí:

2.1. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị B phải chịu 97.766.440 đồng (Chín mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lý Quốc T phải chịu 2.453.400 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh K phải chịu 21.525.000 đồng tiền án phí, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí khởi kiện anh K đã nộp là 43.875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004439

ngày 03/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Anh K được hoàn trả số tiền 22.350.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Anh Hoàng Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005713 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP Tây Ninh;
- CCTHADS TP Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;
- Lưu: VT, (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ánh Nguyệt